

THẮNG TƯỚNG THỨ MƯỜI

L1. GIẢI THÍCH TRÍ SAI BIỆT TƯỚNG THÙ THẮNG

Luận nói: Như vậy đã nói Tịch diệt sai biệt, tại sao phải biết trí sai biệt?

Giải thích: Trước đã nói sự sai biệt giữa giải thoát của Bồ-tát và giải thoát của Nhị thừa, thì giải thoát tri kiến của Bồ-tát và giải thoát tri kiến của Nhị thừa cũng phải có sai biệt. Làm sao biết được?

Luận nói: Do ba thân của Phật, phải biết trí sai biệt.

Giải thích: Trí sai biệt là giải thoát tri kiến của Bồ-tát, tức là quả cứu cánh của đạo Bồ-đề. Như quả cứu cánh của Nhị thừa gọi là giải thoát tri kiến. Trong giải thoát tri kiến của Nhị thừa không có ba thân. Trong giải thoát tri kiến của Bồ-tát có ba thân khác nhau. Tại sao vậy? Vì Nhị thừa không thể diệt trí chướng, không có tất cả trí, không đắc pháp thân thanh tịnh viên mãn, không có đại từ bi, không hành việc lợi ích cho người khác, không có Ứng thân và Hóa thân. Bồ-tát thì có đủ hai nghĩa này cho nên có ba thân, do đó lấy ba thân để làm rõ trí sai biệt. Pháp gì gọi là ba thân?

Luận nói: 1. Tự tánh thân. 2. Thọ dụng thân. 3. Biến Hóa thân.

Giải thích: Thân lấy y chỉ làm nghĩa, do có khả năng trì giữ các pháp, các pháp tùy theo thân cho nên được thành, không tùy thuận thì không thành. Thân là y chỉ của các pháp, ví như thân căn làm y chỉ cho các căn còn lại cho nên được tên là thân. Pháp thân cũng vậy, Ứng thân, Hóa thân là nơi nương tựa của tất cả công đức của Như Lai do đó gọi là thân. Lại nữa, thân lấy thật làm nghĩa. Vì không bị phá hoại cho nên gọi là thật. Thân tức là thể. Thể lấy tánh làm nghĩa. Tánh này trong tất cả vị không biến đổi cho nên gọi là thật. Vì thật cho nên không bị phá hoại. Thân có hai thứ: 1. Tự nhiên đắc. 2. Nhân công đắc.

Tự nhiên đắc, là như Kinh nói: Phật ra đời hoặc chưa ra đời, pháp tánh thường như vậy. Đây là tất cả pháp do Nhị không, Bất không. Nhị không do hư vọng nên bất không. Hai pháp này đều là tự nhiên đắc, cho nên gọi là tự tánh.

Nhân công đắc là thân của lục đạo, do nương vào hoặc mà khởi thiện nghiệp, ác nghiệp và bất động nghiệp. Do nghiệp mà bị bẫy thứ quả rồi, nương vào quả mà sinh hoặc, nên gọi đó là sở đắc của nhân công.

Thân của Như Lai cũng có hai thứ đắc: 1. Tự tánh đắc là pháp

thân. 2. Nhân công đắc, là Ứng thân và Hóa thân. Để làm rõ khác với sở đắc của nhân công cho nên lập thân tự tánh. Do y chỉ tự tánh thân mà khởi hai hạnh phước đức và trí tuệ. Chỗ đắc quả của hai hạnh là cõi Phật thanh tịnh và pháp lạc lớn lao. Do có thể thọ dụng hai quả cho nên gọi là thân thọ dụng. Trong các địa khác tu hành, do sức mạnh của bản nguyện tự tại của Phật mà thức kia tương tự chúng sinh biến dị hiển hiện cho nên gọi là Biến Hóa thân.

Luận nói: Tự tánh thân trong đây, là pháp thân của chư Như Lai.

Giải thích: Trong ba thân này, nếu lấy tự tánh làm pháp thân thì tự tánh có hai thứ định. Như vậy lấy tự tánh nào làm pháp thân? Vì tất cả chương diệt, tất cả pháp viên mãn, chỉ có Chân như và Chân trí riêng còn lại, gọi là pháp thân. Thân này lấy y chỉ làm nghĩa, như vậy pháp nào làm y chỉ?

Luận nói: Đối với tất cả pháp tự tại làm y chỉ.

Giải thích: Tất cả pháp tự tại là mười thứ tự tại. Lại nữa, mười Ba-la-mật trong nhân, tất cả pháp bất cộng trong quả, đều đắc đã không có lỗi, vận dụng như ý cho nên gọi là tự tại. Tự tại không thể tính lường. Tùy theo số lượng của các pháp mà tự tại cũng vậy. Làm sao biết pháp này y chỉ pháp thân? Vì không lìa thanh tịnh và viên trí, tức là trí như như.

Luận nói: Thọ dụng thân là các cõi của chư Phật, và chỗ hiển hiện y chỉ của Đại nhân Tập Luân.

Giải thích: Cõi có nhiều quý báu sai biệt, không thể tính đếm cho nên gọi là chủng chủng, vô lượng cõi báu này nương vào Ứng thân của Phật mà được thành. Chư Bồ-tát gọi là Đại nhân tập, là thiện hữu thân cận của Bồ-tát chúng. Chánh văn, chánh tư và chánh tu là thể của luân. Như Thánh Vương Kim Luân có thể từ đây đi đến kia, chưa đắc khiến cho đắc, đã đắc thì khiến cho không mất, có thể bình đẳng đi cõi trên hoặc cõi dưới, đây là dụng của luân, Bồ-tát cũng vậy. Nếu lìa Ứng thân thì cả hai sự đều không thành, cho nên hai sự này lấy Ứng thân làm y chỉ, do năng y chỉ được thành cho nên sở y chỉ hiển hiện.

Luận nói: Đây là lấy pháp thân làm y chỉ.

Giải thích: Pháp thân không có y chỉ, Ứng thân này có y chỉ, như trước nói đối với tất cả pháp tự tại y chỉ, đây là thuyết minh Ứng thân y chỉ pháp thân, cho nên hai thân có khác nhau.

Luận nói: Cõi thanh tịnh của chư Phật, là nhân thọ lạc thọ dụng của pháp Đại thừa.

Giải thích: Bồ-tát trong cõi tịnh của chư Phật, tự nghe thọ pháp

Đại thừa, thọ pháp lạc, vì người khác thuyết pháp Đại thừa cũng thọ pháp lạc. Bồ-tát đã thọ dụng đầy đủ hai thứ pháp lạc này. Nếu không có Ứng thân thì không có hai thứ thọ dụng pháp lạc này, cho nên Ứng thân làm nhân của hai thọ dụng pháp lạc. Lại nữa, giải thích thọ dụng có hai nghĩa: 1. Thọ dụng trần, tức là thọ dụng cõi tịnh. 2. Thọ dụng pháp lạc, tức là thọ dụng pháp lạc Đại thừa. Nếu không có Ứng thân thì không có hai thứ thọ dụng này, cho nên lấy Ứng thân làm nhân của hai thọ dụng này. Tướng khác nhau của Biến Hóa thân, pháp thân và Ứng thân như thế nào?

Luận nói: Biến Hóa thân lấy pháp thân làm y chỉ.

Giải thích: Pháp thân không có y chỉ. Biến Hóa thân này có y chỉ. Như trước nói đối với tất cả tự tại y chỉ, đây là thuyết minh Biến Hóa thân y chỉ pháp thân, cho nên hai thân có khác nhau.

Luận nói: Từ khi trụ vào cõi trời Đâu-suất-đà và thọ sinh xuống.

Giải thích: Dưới đây thuyết minh thể của Hóa thân khác với Ứng thân. Ứng thân lấy đại trí, đại định, đại bi làm thể. Hóa thân chỉ lấy sắc hình làm thể. Chỗ hiện sắc hình trước hết là trụ trong cõi trời Đâu-suất-đà, sau đó sinh trong nhân loại. Trước hết hai mươi năm thọ sinh thân trung ấm, cho nên nói là lui xuống, sau đó thọ sinh vào nhà Thích-ca.

Luận nói: Thọ học, thọ dục trần.

Giải thích: Tu tập sáu mươi bốn kỹ năng khéo léo bí mật của vua, rồi đi học cưới vợ đó là thọ dục trần.

Luận nói: Xuất gia, đến chỗ tu khổ hạnh của ngoại đạo.

Giải thích: Bỏ ngôi vua, đến chỗ của Tiên nhân Uất-đà A-la-la, tu đầy đủ tất cả khổ hạnh của ngoại đạo.

Luận nói: Đã làm rõ các sự đặc Vô thượng Bồ-đề, chuyển pháp Luân, Đại Bát Niết-bàn.

Giải thích: Sau đó bỏ pháp của ngoại đạo, tu hạnh bất khổ bất lạc, thành vô Đẳng giác, nói ba thừa giáo, sau mới từ bỏ sự giáo hóa, sự biến hóa không phải một, cho đến sau khi diệt độ cũng còn có hình để lại. Làm Phật sự cho nên nói là “các sự”, lấy các sự này để làm rõ Hóa thân. Tại sao Phật trước hết trụ tại cõi trời Đâu-suất-đà, sau đó sinh trong nhân loại? Vì muốn làm rõ tự thân là loài trời và loài người. Vì trời người là khí Thánh đạo, muốn thị hiện làm thầy trời người nên nhiếp lợi đồng loại, để đoạn dứt huỷ báng của ngoại đạo.

Luận nói: Hết thủy Pháp thân của chư Phật Như Lai, tướng đó thế nào?

Giải thích: Vì muốn dẫn tương đương mười nghĩa để chứng thành

pháp thân, pháp thân nếu thành thì hai thân còn lại cũng thành, cho nên đặt câu hỏi này.

Luận nói: Nếu lược nói tướng đó thì phải biết có năm thứ.

Giải thích: Nếu rộng nói như không sinh diệt có vô lượng tướng. Nay là lược nói cho nên có năm tướng, tức là nghĩa của tướng thứ nhất trong mười nghĩa.

Luận nói: Trong đây nói Uất-đà-na Kệ.

Giải thích: Để nhiếp trì nghĩa phân tán cho nên nói kệ này. Mười nghĩa trong đây sau đó thứ tự giải thích.

Luận nói:

*Tướng chứng đắc tự tại,
Y chỉ và nhiếp trì,
Đức thậm thâm sai biệt,
Niệm nghiệp rõ Phật thân.*

Năm tướng: Một là pháp thân Chuyển y làm tướng.

Giải thích: Pháp thân tức là Chuyển y của Bồ-tát.

Luận nói: Tất cả chướng và phần phẩm Bất tịnh, tánh y tha đã diệt.

Giải thích: Chướng có hai thứ: 1. Chướng phần đầy đủ. 2. Một phần chướng. Cái chướng nhất thiết trí mà Bồ-tát, đoạn là chung trong ngoài ba cõi, cho nên gọi là phần đầy đủ, tức là tất cả chướng. Các hoặc chướng mà Nhị thừa đoạn là chỉ trong ba cõi, nên gọi là một phần chướng, tức là phần phẩm Bất tịnh. Tất cả đều lấy tánh y tha làm y chỉ. Khi trì đạo khởi thì liền đoạn hai chướng này, cho nên nói là “đã diệt”.

Luận nói: Giải thoát tất cả chướng.

Giải thích: Do hai phần chướng đã diệt một phần của tánh Y tha, giải thoát tất cả chướng.

Luận nói: Đối với tất cả thì đắc tự tại làm năng lực.

Giải thích: Một phần của tánh y tha này, có thể thông đạt tất cả pháp đồng một vô tánh, đã được không mất, cho nên gọi là tự tại.

Luận nói: Tánh y tha của phần tánh thanh tịnh, lấy Chuyển y làm tướng.

Giải thích: Muốn làm rõ vô phân biệt trí và hậu đắc trí khác, lia tất cả phân biệt cho nên nói phần tánh thanh tịnh. Vô phân biệt trí này lại là một phần của tánh Y tha. Tánh y tha có hai phần, trước thuyết minh diệt chướng để làm rõ cảnh vô phân biệt, sau thuyết minh đối với tất cả pháp đắc tự tại, để làm rõ vô phân biệt trí này. Hai phần này là

Chuyển y. Chuyển y làm tướng của pháp thân.

Luận nói: Hai là pháp thiện thanh tịnh làm tướng.

Giải thích: Tất cả pháp có hai thứ, một là đen hai là trắng. Đen là đen, Trắng là trắng. Trong thiện tự có bốn thứ, pháp thân là chân thật thiện, nên nói bạch tịnh pháp làm tướng.

Luận nói: Do hành lục độ viên mãn, từ pháp thân đến đắc mười thứ tự tại nên lấy khả năng thù thắng làm tướng.

Giải thích: Do tu lục độ rốt ráo nên đắc mười tự tại pháp thân, mười tự tại này là khả năng thù thắng của pháp thân, tức là lấy pháp thân làm tánh. Do tu lục độ rốt ráo nên đắc mười tự tại, nghĩa đó như thế nào ?

Luận nói: Những gì là mười? 1. Mạng tự tại.

Giải thích: Trong thọ mạng, tu đoạn mạng và xả mạng được thành như ý.

Luận nói: 2. Tâm tự tại.

Giải thích: Thọ sinh đối với sinh tử, không bị sinh tử làm nhiễm ô.

Luận nói: 3. Tài vật tự tại.

Giải thích: Mười thứ tài vật ăn uống làm đầu, tùy thời tùy xứ mà có thể được như ý.

Luận nói: Ba thứ này là do bố thí viên mãn mà được thành.

Giải thích: Nếu người bố thí tất cả xứ, lấy đại bi mà bố thí thì thí được viên mãn. Do hành đại bi làm nhân của thí thì đắc tâm tự tại. Do tất cả xứ làm nhân của bố thí thì đắc mạng tự tại. Do tất cả vật làm nhân của sự bố thí thì đắc tài vật tự tại.

Luận nói: 4. Nghiệp tự tại. 5. Sinh tự tại. Hai thứ này do giới độ từng phần.

Giải thích: Nghiệp làm nhân, sinh làm quả. Hai thứ này tương ứng. Do năng lực kèm chế thân khẩu nghiệp cho nên đắc nghiệp tự tại. Cho đến cắt đứt thân tâm ra, vẫn không biến đổi thân, khẩu nghiệp. Do tâm này thành cho nên trì giới viên mãn. Do trì giới viên mãn, nếu muốn thọ sinh đời khác, thì như ý dẫn sanh, như ý thì Nghiệp này đều khiến cho hiện tiền cho nên gọi là nghiệp tự tại. Do nghiệp tự tại nên sinh trong nghiệp quả cũng được tự tại, tùy loại lục độ mà vắng sinh lợi ích như ý. Nếu xong thì có thể xả như ý. Công năng của hai sự thủ và xả vô ngại, cho nên gọi là sinh tự tại.

Luận nói: 6. Dục lạc tự tại, do nhẫn nhục viên mãn được thành.

Giải thích: Nhẫn có ba thứ: 1. Nhẫn nhục nhẫn. 2. An thọ nhẫn. 3.

Thông đạt nhãn. Đối với người khác chê cười làm tổn sự, nhưng không sồn, gọi là nhãn nhục nhãn. Đối với khổ sự của mình, tâm không biến dị, gọi là an thọ nhãn. Tâm có năng lực chứng được sáng tỏ đạo lý của chánh pháp thậm thâm, thì gọi là thông đạt nhãn. Do ba thứ nhãn này mà các pháp đều tùy theo tâm, sau đó trong các pháp tùy chỗ dục lạc như ý được thành.

Luận nói: 7. Nguyện tự tại là do tinh tấn viên mãn được thành.

Giải thích: Do tinh tấn Ba-la-mật có thể vượt qua tất cả sự phải làm, đối với đời vị lai, tất cả nguyện như ý được thành, cho nên gọi là nguyện tự tại.

Luận nói: 8. Thông tuệ tự tại, đây là chỗ nhiếp của năm thông, do định viên mãn được thành.

Giải thích: Trong năm thông, chưa đắc, đã đắc và đắc không mất, cho nên gọi là tự tại. Lại nữa, đối với năm thông có thể tự dụng, cũng có khả năng giúp kẻ khác sống như sử dụng của ta, cho nên gọi là tự tại. Do Chư Bồ-tát có thể đắc các định tâm sâu xa của Bồ-tát, tùy sự điều phục, nếu dẫn năm thông xử đối với tự tha đều thành như ý.

Luận nói: 9. Trí tự tại. 10. Pháp tự tại. Hai thứ này do Bát-nhã Ba-la-mật viên mãn được thành.

Giải thích: Bồ-tát do Bát-nhã Ba-la-mật viên mãn, vì vô phân biệt trí đối với pháp môn của các ấm, tâm thông đạt không còn sót, đắc tất cả chủng trí gọi là trí tự tại. Vì vô phân biệt hậu trí thông đạt tất cả phẩm loại của pháp, đắc tất cả trí, gọi là trí tự tại. Vì vô phân biệt hậu trí như những gì mà mình chứng, vì người khác an lập pháp môn, như lý được thành, gọi là pháp tự tại.

Luận nói: Ba là vô nhị làm tướng, do không có hai tướng có và không.

Giải thích: Vô nhị là không có hữu và không có vô, hữu là thường, vô là đoạn, không có hữu không có vô tức là bất thường và bất đoạn, lia Nhị biên.

Luận nói: Tất cả Pháp không có gì, không tướng lấy bất vô làm tướng.

Giải thích: Giải thích thêm câu trên, tất cả Pháp đều là sự tạo tác của phân biệt, đều là không có gì, tức là tướng của nhị không, vô và hữu không phải không có tướng nhị không, vì vô vô pháp thân tức là nhị không, lấy Vô nhị biên làm tướng của pháp thân.

Luận nói: Lại nữa, hữu vi và vô vi không hai làm tướng.

Giải thích: Không hai là không có hữu vi và không có vô vi. Tất

cả hữu lưu pháp thì chắc chắn lấy hữu vi pháp làm tướng. Tất cả vô lưu pháp có hai thứ, nếu đạo lấy hữu vi làm tướng, thì Trạch diệt lấy vô vi làm tướng, pháp thân cùng với hữu vi và vô vi không phải là một không phải là khác, cho nên không được thiên lệch lấy hữu vi và vô vi làm tướng, vì Chân như là tướng chung của hữu vi và vô vi, không thể nói là khác, Chân như là cảnh thanh tịnh, hữu vi và vô vi không phải cảnh thanh tịnh, không thể nói là một, pháp thân không có vi, vô vi làm tướng, phi không có vi, vô vi làm tướng. Tại sao vậy?

Luận nói: Không phải được sinh bởi hoặc nghiệp tập.

Giải thích: Tất cả hữu vi pháp đều từ hoặc nghiệp sinh, pháp thân không từ nghiệp hoặc sinh cho nên không có vi.

Luận nói: Do đắc tự tại có thể làm rõ hữu vi tướng.

Giải thích: Pháp thân do đắc tự tại, có thể niệm niệm làm rõ hữu vi tướng, là Ứng thân và Hóa thân, cho nên không có vi.

Luận nói: Lại nữa, một, khác không hai làm tướng, chư Phật Như Lai y chỉ không khác.

Giải thích: Không hai là không phải một, không phải khác, ba đời chư Phật do pháp thân không khác nhau, pháp thân tức là y chỉ cho nên không khác.

Luận nói: Do vô lượng y chỉ có thể chứng Pháp thân này.

Giải thích: Do Pháp thân này vô lượng, nên chư Bồ-tát đã thành thực thiện căn, sự chứng không gián đoạn, cho nên không thể nói một. Nếu một người khác tu hành thì phải nên vô dụng.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Vì để làm rõ Pháp thân không phải nghĩa một và khác, cho nên trùng tuyên nói kệ.

Luận nói:

*Vì ngã chấp không có,
Không có chỗ tựa riêng.*

Giải thích: thế gian do tùyngã chấp phân biệt mà chúng sinh y chỉ có sai biệt, đối với Pháp thân có ngã chấp phân biệt, Như Lai y chỉ không có sai biệt. Nếu như thế thì tại sao lập ra có nhiều Phật?

Luận nói:

*Trước nhiều y làm chứng,
Giả danh nói không một.*

Giải thích: Như trước nhân theo địa vô lượng y chỉ làm chứng, nếu mỗi mỗi thân thế gian không có Pháp thân thì Bồ-tát không có chỗ chứng. Do Bồ-tát ai nấy đều nương vào tự thân để chứng Pháp thân này,

nên căn cứ theo giả danh không thể nói là một.

Luận nói:

*Tánh hạnh dị phi hư,
Viên mãn không bắt đầu,
Vi không một, không khác,
Không nương nhiều chân như.*

Giải thích: Chư Bồ-tát phát tâm nhiều, cho nên gọi là tánh khác. Do tánh khác cho nên gia hạnh cũng khác. Do gia hạnh khác cho nên có công lực. Do có công lực cho nên có thể đắc quả, có nghĩa của nhân cho nên không phải hư. Nếu chỉ có một vị Phật, thì chư Bồ-tát tu hành trống rỗng không có sở đắc. Chư Phật làm sự lợi ích cho chúng sinh đều viên mãn cả. Vì an lập chúng sinh kia đối với ba thừa, nếu chư Phật không an lập chúng sinh kia đối với Vô thượng Bồ-đề thì mọi Phật sự đã làm ấy không viên mãn. do sự lợi ích viên mãn cho nên Phật không phải một, như sinh tử không có bắt đầu, vô lượng chư Phật cũng như thế, vô lượng không có bắt đầu. Nếu chỉ có một vị Phật thành, còn Phật trước và Phật sau không thành, thì đối với một vị Phật mà lập thủy (bắt đầu) và lập chung (cuối cùng), nghĩa thì có thể thành. Do năm nghĩa này cho nên nhiều không phải là một.

Luận nói: Không khác cho nên không nhiều.

Giải thích: Y chỉ không khác cho nên chư Phật không nhiều, vì không nhiều cho nên chư Phật không khác. Cái gì làm y chỉ?

Luận nói: Nương vào Chân như.

Giải thích: Chân như tức là pháp giới thanh tịnh. Pháp giới không khác, cho nên chư Phật y chỉ vô sai biệt. Hai kệ này làm rõ pháp thân không có tướng một và khác.

Luận nói: Bốn là thường trụ làm tướng, vì tướng Chân như thanh tịnh.

Giải thích: Dưới đây dẫn ba chứng cứ để lập nghĩa Pháp thân thường trụ. Chân như nếu lìa khỏi tất cả cấu, thì vô cấu thanh tịnh gọi là Phật quả. Chân như này thường trụ, chư Phật là chỗ làm rõ của Chân như thanh tịnh, cho nên Pháp thân thường trụ.

Luận nói: Trước kia nguyện, dẫn và thông là tối cực.

Giải thích: Từ sơ phát tâm cho đến địa thứ tám, trải qua hai mươi bảy đại kiếp A-tăng-kỳ. Trong đó Như Lai nương vào pháp giới mà phát nguyện thành tựu, nguyện năm giữ nguyện gọi đó là dẫn. Đối với tất cả xứ vô ngại cho nên gọi là thông. Tận cùng bờ mé sinh tử cho nên gọi là tối cực. Do nương vào pháp giới mà khởi nguyện này. Pháp giới

nếu vô thường thì nguyện có tận. Nguyện đã vô tận cho nên pháp giới thường trụ.

Luận nói: Phải khởi chánh sự chưa rốt ráo.

Giải thích: Nếu nói chư Phật làm sự lợi ích cho chúng sinh đã xong, thì trước hết là nguyện phải cùng tận. Không thể lấy nguyện để làm chứng pháp thân thường trụ, vì nghĩa đó không đúng. Tại sao vậy? Do chánh sự chưa rốt ráo, từ lúc này cho đến đời vô cùng, chánh sự vô biên, nếu chúng sinh chưa đắc Phật quả thì đều đắc Phật quả, chưa Niết-bàn thì đều Bát Niết-bàn, chánh sự này không dứt, chánh sự do pháp thân thành tựu, chánh sự bất tận cho nên pháp thân thường trụ.

Luận nói: Năm là bất khả tư nghì làm tướng, là sở tri của Chân như thanh tịnh tự chứng trí, không có thí dụ, vì không phải hành xứ của giác quán.

Giải thích: Pháp thân có ba duyên cho nên bất khả tư nghì:

1. Không phải cảnh giới của ba tuệ cho nên bất khả tư nghì. Không phải hành xứ của giác quán cho nên không phải cảnh của Văn tuệ. Vì không có thí dụ cho nên không phải cảnh của Tư tuệ. Vì là sở tri của tự chứng trí, không phải cảnh tu tuệ của Nhị thừa và thế gian, do đó không thể nghĩ bàn.

2. Vô phân biệt tối thượng chân thật cho nên không thể nghĩ bàn. Vô phân biệt là sở tri tự chứng trí của Bồ-tát, không phải cảnh giới phân biệt của phàm phu. Phàm phu như người mù bẩm sinh không thể phân biệt sắc, vì chưa từng thấy Sắc, cũng không phải cảnh giới phân biệt của Nhị thừa, vì cảnh này là tối cực không phải chỗ chứng của Nhị thừa, không thể phân biệt. Nhị thừa như trẻ con mới sinh chưa thấy mặt trời, vì các căn còn yếu. Vì tối thượng cho nên không có ví dụ. Pháp thân trong tất cả pháp là tối cực vô đẳng, cho nên không có pháp nào khác có thể làm ví dụ, không phải chỗ có thể biết của người hữu thượng. Chân thật là bất khả ngôn thuyết. Nếu bất khả ngôn thuyết mà chưa từng thấy chân thật thì chúng sinh không thể phân biệt. Tất cả giác quán đều tùy ngôn thuyết mà khởi, đã không có ngôn thuyết chứng tử không phải hành xứ của giác quán, do đó không thể nghĩ bàn.

3. Pháp thân là chứng trí của mà chư Phật biết, nó không nằm trong khả năng phân biệt của người thông tuệ thế gian. Trong thế gian không có vật nào có thể đồng với pháp thân, chỉ do thấy vật này đem so sánh với pháp thân, trong pháp thân tất cả tâm hạnh đều dứt bật, vì cảnh trí không có sai biệt, cho nên không thể nghĩ bàn.

Luận nói: Lại nữa, pháp thân chứng đắc thế nào?

Giải thích: Có khi chứng nhưng không đắc, có khi đắc nhưng không chứng, có khi cũng chứng, cũng đắc, có khi không chứng không đắc, hiện tại là muốn làm rõ cũng chứng cũng đắc. Tất cả chúng sinh đang trong sinh tử, không có chúng sinh nào mà xưa nay không có pháp thân. Hằng cùng với pháp thân tương ứng. Tương ứng này, pháp từ vô thủy tự nhiên mà thành. Như vậy tương ứng gọi là đắc. Đắc này không phải là đắc riêng, không phải chỗ chứng của căn thức, vì để lia tương ứng đắc cho nên lập ra câu hỏi này. Như Kinh nói: Trong khối chúng sinh, không có chúng sinh nào ngoài pháp thân. Cũng như không có một sắc nào ở ngoài hư không. Vì tất cả chúng sinh đều không lia pháp thân, pháp thân đối với chúng sinh xưa nay là đắc. Nghĩa đắc là như vậy, nghĩa chứng thì thế nào?

Luận nói: Xúc này là cái có được từ ban đầu.

Giải thích: Vì để làm rõ xúc đắc có bắt đầu, nên do phương tiện thành tựu lợi ích vô cùng, như Nhân chứng thấy sắc thì ắt có năm nghĩa: 1. Có thật cảnh đối với căn. 2. Căn không hoại. 3. Có giác quán. 4. Thức không loạn. 5. Không có các chướng tối tăm. Nếu không đủ năm nghĩa này thì không thể chứng sắc. Chứng biết pháp thân cũng như thế, ắt phải có đủ năm nghĩa.

Luận nói: Do duyên xen tạp Đại thừa pháp làm cảnh.

Giải thích: Chân như là Đại thừa pháp, là pháp môn Đại thừa mà mười hai bộ Kinh nói đều là làm rõ chung chân như này. Tất cả chánh thuyết đối với chân như pháp thì đều đồng nhất vị cho nên gọi là “xen tạp”, như nhiều sông chảy về biển, xen tạp chung làm một vị. Trí và cảnh không sai biệt cho nên nói là “duyên”. Bồ-tát duyên xen tạp chân như pháp trong Đại thừa làm cảnh. Đây là làm rõ thứ nhất cảnh thật có tối thắng.

Luận nói: Vô phân biệt trí, vô phân biệt hậu sở đắc trí.

Giải thích: Chứng trí lấy vô phân biệt làm tướng. Từ trí này đối với cảnh chân như mà khởi, cho nên lia phân biệt mà thanh tịnh thành chứng trí. Đây là làm rõ thứ hai trí thanh tịnh như căn không hoại.

Vô phân biệt hậu sở đắc trí là trợ pháp trước và sau. Do trí này mà sau đó được nhập chân quán càng chuyển tăng thắng về sau. Đây là làm rõ thứ ba thuyết minh trợ pháp như giác quán.

Nếu có Tỳ-bát-xá-na, không có Xa-ma-tha thì không có nghĩa chứng đắc, cho nên cần phải tu Xa-ma-tha. Tu Xa-ma-tha có ba tướng: 1. Đắc nhân. 2. Đắc bạn loại. 3. Đắc công năng.

Luận nói: Năm tướng tu thành thực tu tập.

Giải thích: Đây là thuyết minh đặc nhân. Năm tu và năm quả sở đắc của năm tu, như trong nhân quả tu sai biệt đã nói, đắc không thoai chuyển gọi là thực, đắc thượng thượng phẩm gọi là thành, niệm niệm quán sát gọi là tu tập. Đây là thuyết minh hai thứ nhân, một là đắc nhân, hai là viên mãn nhân, cho nên gọi là đắc nhân.

Luận nói: Đối với tất cả địa khéo tập hợp tư lương.

Giải thích: Đây là thuyết minh đắc loại bạn từ sơ địa đến mười địa, tụ tập phước đức trí tuệ hạnh làm tư lương, gọi là đắc loại bạn.

Luận nói: Có thể phá chướng khó phá vi tế.

Giải thích: Đây là thuyết minh đắc công năng, do hai nghĩa trước cho nên có thể phá trí chướng. Phiền não nầy cùng với vô lưu đạo của Nhị thừa cùng khởi cho nên gọi là vi tế. Không phải cái mà Nhị thừa đạo có khả năng phá cho nên gọi là khó phá, đó gọi là đắc công năng. Đây là làm rõ thứ tư đắc định như thức không loạn.

Luận nói: Kim cương thí dụ cho Tam-ma-đề.

Giải thích: Có bốn nghĩa, lấy kim cương để thí dụ cho Tam-ma-đề: 1. Có năng lực phá núi phiền não. 2. Năng dẫn vô dư công đức. 3. Chân thật không thể phá hư. 4. Dụng lợi có thể khiến cho trí tuệ thông đạt tất cả pháp vô ngại.

Luận nói: Kế đó sau Tam-ma-đề nầy diệt lìa tất cả chướng.

Giải thích: Đắc định mới diệt hết tất cả chướng. Đây là làm rõ thứ năm diệt hoặc như không có các ám chướng.

Luận nói: Phải biết lúc đó do y chỉ chuyển thành chứng Đắc.

Giải thích: Khi Kim cương tâm diệt gọi là lúc đó. Lúc đó địa thứ mười y chỉ chuyển thành Phật y chỉ, gọi là chứng đắc, phải biết như vậy.

Luận nói: Pháp thân nầy có mấy tự tại trong đó đắc tự tại?

Giải thích: Muốn làm rõ căn cứ theo năm ấm Chuyển y để làm rõ pháp thân tự tại, cho nên đặt câu hỏi nầy.

Luận nói: Nếu lược nói thì có năm tự tại trong đó đắc tự tại.

Giải thích: Nếu rộng nói thì có vô lượng tự tại, hiện tại lược nói chỉ thuyết minh năm thứ.

Luận nói: 1. Tịnh độ làm rõ tự tại tự thân tướng hảo, vô biên âm, bất khả kiến đảnh.

Giải thích: Có thể hiện tịnh độ Phả-lê-kha như ý, tùy chúng sinh loại mà hiện thân như ý. Trong đại tập đối với chúng sinh đều không có trái nghịch, lại cũng gọi là điều nầy chúng sinh ưa muốn nhìn; hiện mọi thứ thân, gọi là điều mà chúng sinh ưa muốn nhìn, hiện chủng chủng

tướng hảo, pháp âm mà mình nói như ý, vang khắp mười phương thế giới, trong một âm thanh, tùy chỗ thích nghe pháp của các chúng sinh mà mỗi mỗi đều được nghe. Chư phạm thiên khi thấy Phật, thân lượng của Như Lai cao hơn chư thiên kia gấp bội, cho nên không thể thấy Đảnh, đối với các sự này đều được như ý, cho nên gọi là tự tại. Tự tại như vậy do nhân gì có thể đắc?

Luận nói: Do chuyển sắc ấm làm y.

Giải thích: Mỗi mỗi ấm đều có bốn chuyển y như trong diệt sai biệt ở trước đã nói. Sắc thức gọi là sắc ấm, có hình ngại là thể của sắc. Khi khởi đối trị, do một phần phẩm Bất tịnh của phân biệt tánh vĩnh viễn đắc tương ly, một phần phẩm tịnh hằng đắc tương ưng, tức là sắc ấm chuyển y. Trong chuyển y này đắc tự tại của tịnh độ.

Luận nói: 2. Không mất, vô lượng đại an lạc trụ tự tại.

Giải thích: Không bị các hoặc và tập khí làm nhiễm ô cho nên gọi là không mất. Như Lai an lạc trụ không thể tính đếm, cho nên gọi là vô lượng. Lạc tối thắng vô Đẳng vượt hơn ba cõi cho nên gọi là Đại an lạc trụ. Đối với các sự đều được như ý cho nên gọi là tự tại.

Luận nói: Do Chuyển thọ ấm làm Y.

Giải thích: Thọ thức gọi là thọ ấm, thể của thọ là nhận cảm giác vui, khổ, do chuyển thọ ấm làm Y mà đắc tự tại này.

Luận nói: 3. Đầy đủ tất cả danh tự văn cú trong các tụ, chánh thuyết tự tại.

Giải thích: Danh tự của tất cả các pháp và văn cú của các ngôn giáo, từ một bài kệ trở đi một chương, một phẩm cho đến một bộ đều gọi là khối, đều có thể biết rõ chánh thuyết như ý, cho nên gọi là tự tại.

Luận nói: Do chuyển tướng ấm chấp tướng sai biệt làm Y.

Giải thích: tướng thức là tướng ấm, chấp tướng sai biệt là thể của tướng, do chuyển tướng ấm làm Y cho nên đắc tự tại này.

Luận nói: 4. Biến hóa sửa đổi dẫn dắt đại tập, kéo dắt bạch phẩm tịnh tự tại.

Giải thích: Chưa có hiện hữu và chia một làm nhiều là biến hóa, chuyển bản tánh của nó là sửa đổi. Chỗ muốn thấy chúng sinh, tùy xa hay gần mà dẫn dắt như ý. Thiên, nhân, dạ-xoa... đến trong đại tập, tùy chỗ thích nghi của chúng sinh kia mà lấy bốn nhiếp để nhiếp hoá. Hữu lưu thiện là trắng. Vô lưu thiện là tịnh, dẫn dắt bạch phẩm tịnh pháp này, sinh trong tương tục, đối với các sự này đều được như ý cho nên gọi là tự tại.

Luận nói: Do chuyển hành ấm làm y.

Giải thích: Hành thức là hành ấm, tác ý là thể của hành, do chuyển hành ấm làm y cho nên đắc tự tại.

Luận nói: 5. Hiện rõ hồi quán bình đẳng và trí tác sự tự tại.

Giải thích: Đối với tất cả pháp Như Lai không có sai lầm, chứng biết cảnh phi hiện tiền như đang đối diện hiện tiền. Ví như người nhớ nghĩ quen thuộc văn cú, gọi đó là hiển liễu trí. Từ thông đạt chân như đến nay, đối với tất cả chúng sinh mà đắc tâm bình đẳng. Do chứng pháp bình đẳng thanh tịnh, nên gọi đó là trí bình đẳng. Có khả năng thủ trì Tam-ma-đề Đà-la-ni môn, sự muốn nắm lấy pháp trong pháp môn này, được như ý vô ngại, ví như tài chủ giữ kho tàng muốn lấy dùng đều vô ngại, gọi đó là trí hồi quán. Do có thể thọ sinh cung trời Đâu-suất-đà và Bát Niết-bàn, để lập vô lưu thiện căn cho Thanh-văn và các địa Bồ-tát dưới, có thể hiển sự của Như Lai đều được như ý, cho nên gọi là tự tại.

Luận nói: Do chuyển thức ấm làm y.

Giải thích: Các thức là thức ấm. Liễu biệt là thể của thức. Chuyển thức ấm làm y chỉ được tự tại.

Luận nói: Pháp thân này phải biết là có bao nhiêu pháp y chỉ” ?

Giải thích: Muốn làm rõ vô lượng công đức của Như Lai đều từ Pháp thân sinh ra, cho nên lấy Pháp thân làm y chỉ mà đặt câu hỏi này.

Luận nói: Nếu lược nói thì chỉ có ba thứ.

Giải thích: Nếu rộng nói thì có vô lượng pháp y chỉ, nay lược nói chỉ có ba thứ.

Luận nói: Mọi trụ xứ y chỉ của chư Phật Như Lai.

Giải thích: Trụ có bốn thứ là: 1. Chư thiên trụ. 2. Phạm trụ. 3. Thánh trụ. 4. Phật trụ. Trong các trụ thì các Như Lai phần nhiều là trụ bốn pháp này, cho nên nói nghiêng về bốn đấng này có hai thứ: 1. Tự tại đắc. 2. Hiện tiền đắc. Đắc thứ nhất là khi thành Phật thì tất cả pháp của Như Lai đều đắc đầy đủ, gọi là đắc tự tại. Đắc thứ hai là tùy chỗ chánh dụng, gọi là đắc hiện tiền. Nếu chứng pháp thân thì tất cả pháp của Như Lai đều tự tại đắc. Pháp thân là trụ y chỉ của các pháp. Tại sao vậy? Vì không lìa pháp thân mà đắc pháp này.

Luận nói: Trong đây nói kệ”

Giải thích: Muốn làm rõ pháp thân làm trụ y chỉ của các pháp, cho nên trùng tuyên kệ.

Luận nói: Chư Phật Như Lai nhận năm sự vui mừng.

Giải thích: Bồ-tát cũng có năm đức này, nhưng chưa viên mãn, chỉ có Phật mới đầy đủ cho nên nói là chư Phật Như Lai. Thể của vui mừng chỉ có một, chỉ lấy không mất tối thắng làm thể. Do chỗ đắc của năm nhân cho nên nói là năm sự mừng. Chư Phật tự đắc giải thoát, dùng Hóa thân giáo hoá hàng Nhị thừa khiến cho được giải thoát. Tại sao Như Lai tự nhận năm sự mừng, còn Nhị thừa thì không được?

Luận nói:

*Đều do chứng đắc cảnh giới tự thân,
Nhị thừa không có mừng do không chứng.*

Giải thích: Do nhân có khác nhau, nên đắc quả khác nhau. Vì chứng cảnh giới tự thân làm nhân, nên lấy năm hỷ làm quả. Cảnh giới là tánh của Như Lai, tức là pháp thân thanh tịnh, là chỗ tự chứng công năng lớn của Như Lai, không do vô nhân, không do tha đắc, cho nên nói chứng cảnh giới tự thân. Do chứng cảnh giới tự thân cho nên đắc quả năm hỷ. Nhị thừa không chứng cảnh giới này cho nên không có năm hỷ.

Luận nói: Cầu hỷ phải chứng cảnh giới Phật.

Giải thích: Nếu người muốn cầu các pháp của năm mừng, thì cần phải tu đạo để chứng pháp thân. Tại sao vậy? Vì quả không lìa nhân mà đắc. Câu kệ này làm rõ pháp thân làm y chỉ của năm hỷ. Do chứng pháp thân cho nên đắc năm hỷ, không chứng pháp thân thì không có năm hỷ.

Luận nói:

*Do năng vô lượng tác sự lập,
Do pháp mỹ, vị dục, đức thành.*

Giải thích: Kệ này làm rõ do năm nhân cho nên gọi là năm hỷ. Những gì là năm hỷ?

1. Do khả năng tự thân vô lượng cho nên sinh mừng. Tất cả chư Phật đồng giác ngộ pháp thân, tất cả Phật đồng đắc khả năng thù thắng. Khả năng thù thắng của tất cả Phật tức là năng lực thù thắng của một Phật. Năng lực thù thắng của một Phật đồng với năng lực thù thắng của tất cả Phật. Tại sao vậy? Vì chư Phật đồng một pháp thân làm thể. Thể đã là một thì năng lực thù thắng của chư Phật khác cũng tức là năng lực thù thắng của một Phật. Năng lực thù thắng của chư Phật vô lượng thì năng lực thù thắng của một Phật cũng vô lượng, cho nên thắng năng của một Phật đắc bằng với năng lực thù thắng của chư Phật. Pháp thân của chư Phật đồng đắc khả năng thù thắng, do đó mà sinh hỷ. Do chứng thấy cảnh giới tự thân đắc khả năng thù thắng này cho nên sinh hỷ.

2. Do tạo tác sự được thiết lập cho nên sinh hỷ. Sự làm lợi ích chúng sinh của một Phật là chánh sự của tất cả Phật, là lợi ích sự của tất cả chúng sinh. Tại sao vậy? Vì chỗ khởi chánh sự của cõi tịnh làm lợi ích cho chúng sinh của tất cả Phật tức là chỗ khởi chánh sự của một Phật. Giả sử chư Phật đều không làm chánh sự, chỗ làm chánh sự của một Phật bằng với chỗ làm chánh sự của chư Phật. Nếu lợi ích một chúng sinh, tức là lợi ích tất cả chúng sinh. Nếu một chúng sinh thành Phật thì chúng sinh này có thể giáo hoá tất cả chúng sinh. Như vậy dần dần lợi ích lẫn nhau. Nếu chư Phật đã chứng cảnh giới tự thân thì thành lập chánh sự này. Do chứng kiến cảnh giới tự thân làm chánh sự thành lập, nên sinh hỷ.

3. Do mỹ vị của pháp cho nên sinh hỷ. Do khi xưa Như Lai học đủ mười hai bộ Kinh của ba thừa, sau khi thành Phật, xét cả thấy pháp, đều từ pháp thân này mà chúng sinh ra chúng đều chứng lại pháp thân này. Tất cả pháp môn đều đồng một vị pháp thân. Do thấy các Kinh Tu-đa-la Kỳ-dạ đồng một vị pháp thân, do đó sinh hỷ.

4. Do dục đức thành tựu cho nên sinh hỷ. Sở dục được thành thì công đức cũng thành. Sở dục thành, là như sự tư duy của Phật đều thành tựu, là các sự của cõi tịnh và đại tập. Công đức thành, là mười lực, bốn vô úy... tất cả pháp bất cộng của Như Lai đều viên mãn. Do thấy hai sự thành cho nên sinh hỷ.

Luận nói: Đắc hỷ tối thắng không có lỗi.

Giải thích: Vượt qua hỷ lạc của ba cõi cho nên gọi là tối thắng. Tất cả hoặc cho đến tập khí đều cùng tận không sót cho nên không có lỗi.

Luận nói: Chư Phật hằng thấy bốn vô tận.

Giải thích: Lại nữa; 5. Như Lai thấy bốn hỷ trước cho đến tận cùng sinh tử không có diệt tận. Nếu nhập Vô dư Niết-bàn cũng không diệt tận, cho nên sinh hỷ.

Hỷ này là tướng gì? Một là lấy tối thắng làm tướng vì vượt hơn hỷ của ba cõi và Nhị thừa. Hai là lấy không lỗi làm tướng. Tất cả hoặc cho đến tập khí diệt tận không sót. Đây là làm rõ sự viên mãn tối thắng và thanh tịnh tuyệt đối, cho nên đây tức là sự y chỉ tự lợi thứ nhất.

Luận nói: Mọi thứ thọ dụng thân y chỉ, vì thành tựu thiện căn của chư Bồ-tát.

Giải thích: Chư Phật Ứng thân vô lượng cho nên nói mọi thứ. Lại nữa, phẩm loại Ứng thân của mỗi vị Phật không thể nói, cho nên nói mọi thứ. Pháp thân làm y chỉ của Ứng thân. Tại sao làm y chỉ? Là

vì pháp thân sinh ra Ứng thân này, nếu lìa Ứng thân thì thiện căn của Đấng địa Bồ-tát không được thành thực, cho nên cần phải có Ứng thân, Ứng thân do Pháp thân thành lập, pháp thân làm y chỉ của Ứng thân. Đây tức là sự y chỉ tự lợi thứ hai của Bồ-tát.

Luận nói: Y chỉ của mọi thứ Hóa thân, vì phần nhiều thành thực Thiện căn của Thanh-văn Độc giác.

Giải thích: Pháp thân này không những làm y chỉ của Ứng thân, mà cũng là y chỉ của Hóa thân. Tại sao vậy? Nếu lìa Hóa thân mà gieo nguyện xuống chúng sinh, thì thiện căn mà Thanh-văn và Độc giác có, không được thành tựu. Phần nhiều nói làm rõ không những lợi ích Nguyện lạc của Nhị thừa, mà cũng là nhân Hóa thân thành thực thiện căn của Bồ-tát trong địa. Pháp thân làm y chỉ của Hóa thân. Đây tức là sự y chỉ tự lợi thứ ba của Nhị thừa.

